14/04/2022

Sự phân hóa quay trở lại

Thị trường quay trở lại diễn biến trầm lắng khi dòng tiền trên thị trường cơ sở có sự phân hóa trở lại khi các cổ phiếu có tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong Q1/2021 thu hút dòng tiền mạnh. Chúng tôi cho rằng sự phân hóa sẽ tiếp tục diễn ra trên cả thị trường cơ sở lẫn thị trường chứng quyền trong thời gian tới, do vậy, chúng tôi tiếp tục khuyến nghị NĐT nắm giữ các chứng quyền của các cổ phiếu cơ sở đang có xu hướng ngắn hạn tích cực như MBB, FPT, MWG…

Giá trị giao dịch và Khối lượng giao dịch

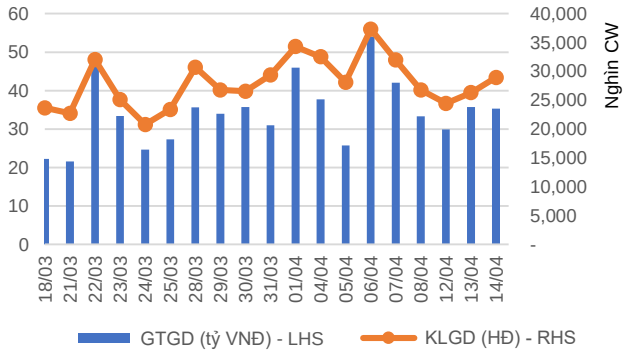

Phân bổ GTGD theo mã chứng quyền

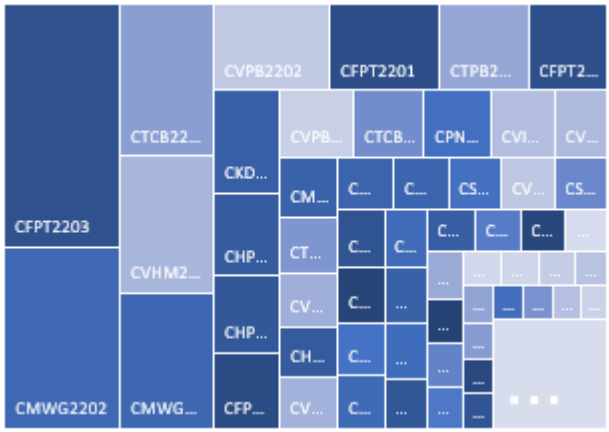

Phân bổ GTGD theo mã chứng khoán cơ sở

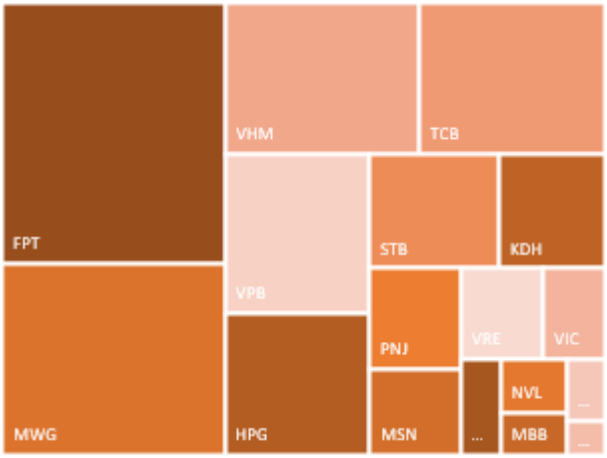

Nguồn: YSVN

KẾT QUẢ GIAO DICH TRONG PHIÊN VÀ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN

Mã	Thay đổi(+/-%)	Đóng cửa	KLGD (Hợp đồng)	GTGD (tỷ VNĐ)	Trạng thái tiền	Premium	Đòn bẩy	Số phiên còn lại	Độ biến động ngầm định
CACB2102	0.7%	1,360	160,400	0.22	OTM	11.6%		54	50%
CACB2103	-7.1%	790	56,000	0.05	OTM	11.8%		26	44%
CACB2201	0.9%	1,140	312,000	0.36	OTM	18.5%		111	57%
CACB2202	1.1%	930	266,400	0.26	OTM	12.1%		38	63%
CFPT2108	11.8%	3,800	43,000	0.15	ITM	11.2%	4.00	57	81%
CFPT2111	9.2%	2,500	276,200	0.69	ITM	1.6%	8.12	26	37%
CFPT2201	3.4%	2,720	467,000	1.31	ITM	9.6%	4.06	111	51%
CFPT2202	0.0%	2,960	292,200	0.94	ITM	2.3%	3.88	49	58%
CFPT2203	6.1%	6,420	584,700	3.88	ITM	3.5%	4.21	76	46%
CHDB2103	-4.8%	200	65,600	0.01	OTM	11.7%	3.49	7	118%
CHDB2201	-9.5%	860	75,000	0.07	OTM	29.3%	2.40	112	76%
CHDB2202	-11.8%	900	394,700	0.37	OTM	21.6%	2.59	38	91%
CHDB2203	-16.7%	750	21,700	0.02	OTM	19.6%	3.40	86	68%
CHPG2114	-20.0%	40	444,000	0.02	OTM	27.4%	0.01	7	103%
CHPG2116	0.0%	850	45,800	0.04	OTM	44.3%	0.48	57	95%
CHPG2117	-10.5%	340	463,800	0.15	OTM	37.4%	1.14	54	70%
CHPG2118	-33.3%	60	231,000	0.01	OTM	38.8%	0.00	12	94%
CHPG2119	-9.4%	1,250	32,000	0.04	OTM	23.6%	1.33	26	91%
CHPG2201	-2.4%	820	353,800	0.29	OTM	28.9%	2.34	134	75%
CHPG2202	-4.5%	640	66,800	0.04	OTM	34.3%	1.92	112	78%
CHPG2203	-3.6%	1,350	509,800	0.71	OTM	26.7%	2.84	111	64%
CHPG2204	-3.1%	1,560	248,800	0.41	ITM	16.5%	3.33	49	96%
CHPG2206	-6.0%	630	1,220,700	0.76	OTM	22.9%	2.85	86	74%
CKDH2107	-5.2%	910	74,300	0.07	ITM	2.1%	6.88	7	99%
CKDH2201	-3.8%	750	389,400	0.28	OTM	35.0%	1.33	122	69%
CKDH2202	-8.3%	1,430	45,100	0.07	OTM	15.2%	3.67	49	73%
CKDH2203	-9.5%	2,580	354,400	0.94	OTM	24.1%	1.85	66	74%
CKDH2204	-4.7%	820	134,000	0.11	OTM	19.5%	3.05	86	66%
CMBB2109	1.6%	650	38,300	0.02	OTM	11.6%	4.42	12	120%
CMBB2201	-5.0%	3,410	88,800	0.32	ITM	12.4%	3.49	111	62%
CMSN2104	-6.2%	3,330	140,700	0.47	ITM	0.2%	4.53	12	47%
CMSN2108	-20.0%	200	150,200	0.04	OTM	8.6%	6.97	7	71%
CMSN2111	2.3%	880	47,000	0.03	OTM	10.1%	8.20	26	50%
CMSN2201	-2.8%	1,050	398,500	0.40	OTM	26.7%	2.72	112	68%
CMWG2113	27.8%	1,930	210,700	0.39	ITM	3.8%	9.03	26	41%
CMWG2114	11.4%	2,550	35,100	0.08	ITM	0.7%	5.21	2	151%
CMWG2201	5.1%	3,680	465,100	1.74	ITM	7.4%	3.55	111	53%
CMWG2202	12.2%	5,630	514,700	2.90	ITM	12.1%	3.50	76	76%
CNVL2104	-17.1%	290	210,100	0.07	ITM	3.0%	15.57	7	58%
CNVL2201	-13.9%	680	484,300	0.34	OTM	26.6%	1.57	122	70%
CNVL2202	-5.4%	1,050	23,400	0.02	ITM	13.9%	4.14	86	72%
CPDR2103	-8.6%	320	131,200	0.04	ITM	5.0%		7	77%
CPDR2201	0.9%	2,250	155,200	0.33	OTM	39.2%		122	74%
CPDR2202	0.0%	800	47,000	0.04	OTM	17.3%		86	65%
CPNJ2109	19.6%	610	548,700	0.32	ITM	5.4%	6.62	12	100%
CPNJ2110	15.0%	1,920	71,400	0.14	ITM	4.1%	8.36	26	46%
CPNJ2201	-2.2%	3,560	159,600	0.62	ITM	6.0%	3.55	111	50%
CPOW2201	-1.6%	600	65,100	0.04	OTM	26.5%		64	110%
CPOW2202	1.3%	780	60,800	0.04	OTM	40.8%		151	98%
CSTB2110	-29.0%	220	1,506,200	0.38	ITM	3.1%	11.69	7	61%
CSTB2112	-1.9%	2,590	133,200	0.34	OTM	9.1%	6.19	26	68%
CSTB2201	-2.8%	1,380	160,400	0.21	ITM	19.4%	2.81	112	78%
CSTB2202	-2.0%	2,950	85,700	0.26	ITM	14.9%	3.38	111	63%
CSTB2203	-5.0%	950	210,100	0.21	OTM	22.2%	2.73	38	90%
CSTB2205	-18.3%	490	719,200	0.38	OTM	25.0%	2.96	86	73%
CTCB2105	-15.0%	850	731,300	0.65	ITM	4.1%	8.45	12	71%
CTCB2112	-13.8%	500	264,200	0.14	OTM	21.6%	4.07	54	58%

CTCB2201	-10.2%	1,150	364,000	0.45	OTM	26.0%	3.37	111	57%
CTCB2202	-3.7%	790	201,500	0.16	OTM	18.3%	3.39	38	78%
CTCB2203	-15.7%	2,410	755,800	1.96	OTM	20.1%	3.66	76	63%
CTPB2201	-5.4%	1,230	121,800	0.16	OTM	20.2%		112	56%
CTPB2202	-27.6%	2,150	424,600	1.06	OTM	18.6%		66	68%
CVHM2111	-50.0%	30	1,329,200	0.04	OTM	23.8%	0.02	7	92%
CVHM2113	-17.1%	340	704,000	0.24	OTM	26.8%	4.06	54	49%
CVHM2114	14.3%	80	389,300	0.02	OTM	26.3%	0.10	12	94%
CVHM2115	0.0%	420	1,244,400	0.43	OTM	35.8%	2.03	87	61%
CVHM2201	0.0%	590	11,900	0.01	OTM	34.3%	1.90	112	74%
CVHM2202	-5.5%	520	220,700	0.11	OTM	34.4%	2.92	111	53%
CVHM2203	-30.3%	620	642,100	0.41	OTM	23.4%	2.39	49	78%
CVHM2204	-1.3%	2,210	797,500	1.77	OTM	25.6%	2.42	76	77%
CVHM2205	-8.3%	550	937,200	0.49	OTM	21.3%	3.21	86	66%
CVIC2106	-22.2%	70	267,200	0.01	OTM	22.8%	0.01	7	109%
CVIC2108	-10.0%	90	269,200	0.02	OTM	24.2%	0.11	12	89%
CVIC2109	-3.3%	290	94,500	0.02	OTM	26.6%	0.80	26	66%
CVIC2201	-4.9%	770	27,900	0.02	OTM	42.3%	1.08	112	88%
CVIC2202	-27.4%	900	637,300	0.60	OTM	18.3%	3.16	86	76%
CVJC2103	-11.1%	480	104,700	0.05	ITM	2.0%	12.56	7	58%
CVJC2201	-3.9%	730	155,300	0.11	OTM	27.5%	1.88	86	70%
CVNM2111	33.3%	40	414,200	0.01	OTM	28.5%	0.00	7	109%
CVNM2113	0.0%	80	12,900	-	OTM	26.4%	0.03	12	92%
CVNM2114	-16.0%	210	35,300	0.01	OTM	25.1%	1.05	26	59%
CVNM2201	-3.0%	640	170,300	0.10	OTM	31.4%	1.95	112	72%
CVNM2202	-8.3%	660	192,500	0.13	OTM	18.1%	3.31	49	69%
CVNM2203	-7.0%	660	71,000	0.04	OTM	23.6%	2.48	86	84%
CVPB2111	11.5%	1,550	107,200	0.16	ITM	1.8%	6.37	2	166%
CVPB2201	2.2%	1,840	203,100	0.38	ITM	17.0%	2.90	111	76%
CVPB2202	-13.3%	3,520	359,400	1.39	ITM	16.6%	3.31	66	84%
CVPB2203	1.1%	940	177,000	0.17	ITM	11.2%	2.50	64	129%
CVPB2204	11.6%	1,060	682,100	0.69	ITM	21.1%	1.97	151	114%
CVRE2105	-6.6%	570	205,500	0.13	ITM	3.1%	8.66	12	63%
CVRE2110	-7.1%	390	503,600	0.18	ITM	4.0%	8.41	7	95%

Nguồn: FiinPro, YSVN

Premium = (Giá thực hiện + Giá chứng quyền x Tỷ lệ chuyển đổi) - Giá hiện tại của CKCS (Chênh lệch giữa Giá hòa vốn và giá hiện tại của CKCS).
Đòn bẩy (Effective gearing) càng cao thì độ biến động theo CKCS càng lớn.
Để hạn chế rủi ro, NĐT nên lựa chọn những Chứng quyền đang có Trạng thái tiền dương (ITM), có Tỷ lệ Premium hoặc Độ biến động ngầm định thấp.
Ngoài ra, NĐT cũng nên ưu tiên giao dịch các Chứng quyền có Số phiên còn lại (thời gian tới khi đáo hạn) cao (trên 02 tuần) để hạn chế rủi ro.

BẢNG TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU CƠ SỞ

Mã	Giá khuyến nghị	Giá hiện tại	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức mục tiêu ngắn hạn	*Upside ngắn hạn so với giá hiện tại*	Mức cắt lỗ ngắn hạn	Reward/Risk
CTD		75.00	GIẢM	GIẢM			85.21	-
DPM		72.20	TĂNG	GIẢM			63.27	-
FPT	95.10	116.60	TĂNG	GIẢM	106.70	12%	109.39	(0.81)
HDB		27.30	GIẢM	TĂNG			29.17	-
HPG		44.90	GIẢM	GIẢM			47.22	-
MBB		32.30	GIẢM	TĂNG			34.11	-
MSN	150.00	125.70	TĂNG	GIẢM	170.91	14%	119.32	0.68
MWG	135.20	159.50	TĂNG	TĂNG	154.74	14%	148.57	(1.46)
NVL	86.50	85.00	TĂNG	GIẢM	100.23	16%	81.16	2.57
PNJ	110.50	117.00	TĂNG	TĂNG	124.64	13%	110.46	331.92
REE	79.70	82.00	TĂNG	GIẢM	91.12	14%	78.93	14.87
ROS		5.38	GIẢM	GIẢM			6.02	-
STB		30.80	GIẢM	TĂNG			32.72	-
TCB		47.30	GIẢM	GIẢM			49.37	-
VHM		72.30	GIẢM	GIẢM			75.73	-
VIC	82.20	81.70	TĂNG	GIẢM	93.42	14%	79.08	3.60
VJC		136.90	GIẢM	TĂNG			143.07	-
VNM		76.30	GIẢM	GIẢM			80.51	-
VPB	38.20	39.50	TĂNG	TĂNG	46.08	21%	38.33	(59.14)
VRE		31.85	GIẢM	TĂNG			33.28	-

Nguồn: YSVN

ĐỘ BIẾN ĐỘNG NGẦM ĐỊNH CỦA CHỨNG QUYỀN VS. ĐỘ BIẾN ĐỘNG QUÁ KHỨ CỦA CKCS

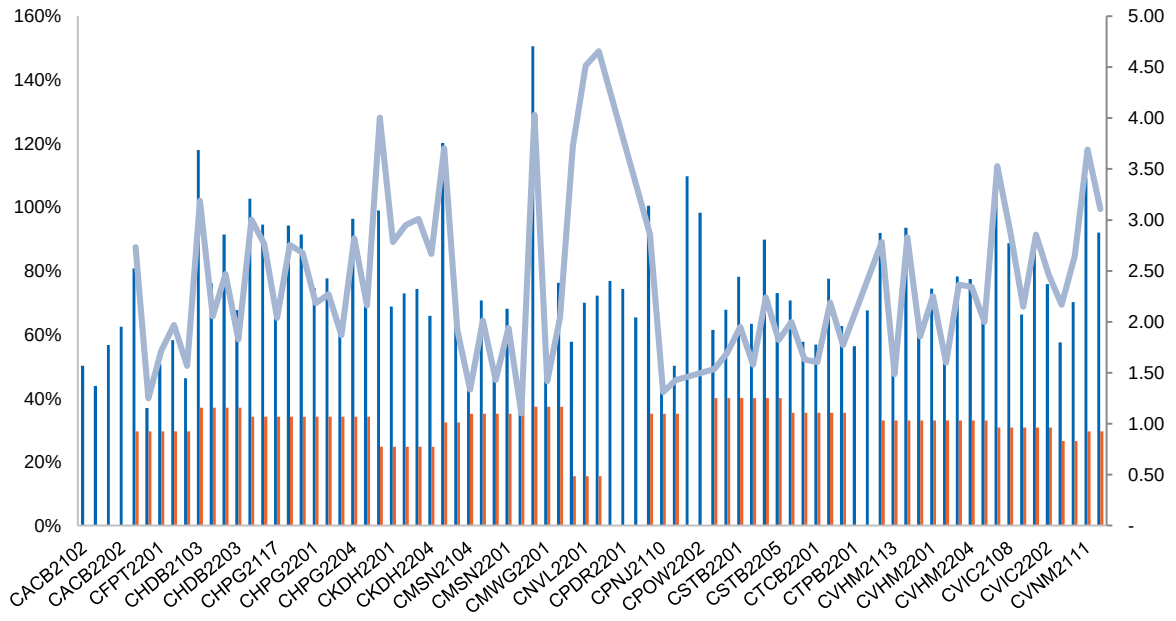

Nguồn: YSVN

(*) Cột màu cam là Độ biến động quá khứ của cổ phiếu cơ sở; Cột màu xanh là Độ biến động ngầm định của CW; Đường trend line màu xanh là tỷ lệ Độ biến động ngầm định/Độ biến động lịch sử.

(*) NĐT có thể sử dùng "Độ biến động ngầm định" để so sánh các chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở. Độ biến động ngầm định càng lớn thì kỳ vọng về mức độ biến động giá của CKCS càng cao (hay nói cách khác, Độ biến động ngầm định càng lớn thì chứng quyền càng đắt).

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN

Mã chứng quyền	TCPH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Khối lượng phát hành	Giá thực hiện	Ngày giao dịch cuối cùng
CACB2102	SSI	8 tháng	2.00000 : 1	2,900	15,000,000	35,000	29/06/2022
CACB2103	VCI	6 tháng	1.00000 : 1	3,700	3,000,000	37,000	20/05/2022
CACB2201	HCM	9 tháng	4.00000 : 1	1,500	10,000,000	35,500	16/09/2022
CACB2202	MBS	4 tháng	3.00000 : 1	2,150	5,000,000	35,100	07/06/2022
CFPT2108	BSI	9 tháng	6.00000 : 1	3,280	1,500,000	106,835	04/07/2022
CFPT2111	VCI	6 tháng	5.00000 : 1	1,990	3,000,000	106,000	20/05/2022
CFPT2201	HCM	9 tháng	8.00000 : 1	2,100	7,000,000	106,000	16/09/2022
CFPT2202	MBS	4.5 tháng	10.00000 : 1	1,700	5,000,000	89,700	22/06/2022
CFPT2203	VND	5 tháng	4.00000 : 1	3,800	7,500,000	95,000	29/07/2022
CHDB2103	KISVN	7 tháng	8.00000 : 1	1,000	3,000,000	28,888	25/04/2022
CHDB2201	KISVN	9 tháng	5.00000 : 1	1,500	3,000,000	30,999	19/09/2022
CHDB2202	MBS	4 tháng	3.00000 : 1	2,220	4,000,000	30,500	07/06/2022
CHDB2203	KISVN	5 tháng	5.00000 : 1	1,100	4,000,000	28,888	12/08/2022
CHPG2114	KISVN	7 tháng	10.00000 : 1	1,200	10,000,000	56,789	25/04/2022
CHPG2116	BSI	9 tháng	4.00000 : 1	2,830	2,500,000	61,410	04/07/2022
CHPG2117	SSI	8 tháng	5.00000 : 1	2,320	22,000,000	60,000	29/06/2022
CHPG2118	KISVN	6 tháng	5.00000 : 1	2,000	8,000,000	61,999	02/05/2022
CHPG2119	VCI	6 tháng	2.00000 : 1	3,380	3,000,000	53,000	20/05/2022
CHPG2201	KISVN	10 tháng	10.00000 : 1	1,300	8,000,000	49,666	19/10/2022
CHPG2202	KISVN	9 tháng	10.00000 : 1	1,100	8,000,000	53,888	19/09/2022
CHPG2203	HCM	9 tháng	4.00000 : 1	2,200	20,000,000	51,500	16/09/2022
CHPG2204	MBS	4.5 tháng	5.00000 : 1	1,900	6,000,000	44,500	22/06/2022
CHPG2206	KISVN	5 tháng	10.00000 : 1	1,000	5,000,000	48,888	12/08/2022
CKDH2107	KISVN	7 tháng	8.00000 : 1	1,300	3,000,000	43,888	25/04/2022
CKDH2201	KISVN	9 tháng	8.00000 : 1	1,500	4,000,000	61,618	03/10/2022
CKDH2202	MBS	4.5 tháng	4.00000 : 1	2,080	3,500,000	52,000	22/06/2022
CKDH2203	VND	4.5 tháng	2.00000 : 1	5,000	7,000,000	57,000	15/07/2022
CKDH2204	KISVN	5 tháng	8.00000 : 1	1,300	3,000,000	53,333	12/08/2022
CMBB2109	KISVN	6 tháng	5.00000 : 1	1,100	1,200,000	32,789	02/05/2022
CMBB2201	HCM	9 tháng	2.00000 : 1	2,700	7,000,000	29,500	16/09/2022
CMSN2104	ACBS	9 tháng	8.32610 : 1	5,200	5,000,000	98,248	02/05/2022
CMSN2108	KISVN	7 tháng	16.65210 : 1	1,600	3,000,000	133,216	25/04/2022
CMSN2111	VCI	6 tháng	5.82830 : 1	2,950	3,000,000	133,217	20/05/2022
CMSN2201	KISVN	9 tháng	16.67340 : 1	2,000	7,000,000	141,723	19/09/2022
CMWG2113	VCI	6 tháng	6.00000 : 1	2,250	3,000,000	154,000	20/05/2022
CMWG2114	MBS	4.5 tháng	12.00000 : 1	2,600	4,000,000	130,000	18/04/2022
CMWG2201	HCM	9 tháng	10.00000 : 1	2,600	5,000,000	134,500	16/09/2022
CMWG2202	VND	5 tháng	6.00000 : 1	4,000	4,000,000	145,000	29/07/2022
CNVL2104	KISVN	7 tháng	15.27430 : 1	1,300	3,000,000	83,160	25/04/2022
CNVL2201	KISVN	9 tháng	20.00000 : 1	1,100	5,000,000	93,979	03/10/2022
CSTB2202	HCM	9 tháng	2.00000 : 1	2,700	7,000,000	29,500	16/09/2022
CSTB2203	MBS	4 tháng	3.00000 : 1	2,680	4,500,000	34,800	07/06/2022
CSTB2205	KISVN	5 tháng	8.00000 : 1	1,000	5,000,000	34,567	12/08/2022
CTCB2105	ACBS	9 tháng	5.00000 : 1	3,600	10,000,000	45,000	02/05/2022
CTCB2112	SSI	8 tháng	5.00000 : 1	1,970	23,000,000	55,000	29/06/2022
CTCB2203	VND	5 tháng	2.00000 : 1	4,300	6,000,000	52,000	29/07/2022
CTPB2201	HCM	9 tháng	4.00000 : 1	1,800	10,000,000	42,000	19/09/2022
CTPB2202	VND	4.5 tháng	2.00000 : 1	3,700	3,500,000	42,000	15/07/2022
CVHM2111	KISVN	7 tháng	20.00000 : 1	1,000	3,000,000	88,888	25/04/2022
CVHM2201	KISVN	9 tháng	16.00000 : 1	1,300	5,000,000	87,678	19/09/2022
CVHM2202	HCM	9 tháng	8.00000 : 1	1,700	7,000,000	93,000	16/09/2022
CVHM2203	MBS	4.5 tháng	10.00000 : 1	1,450	5,000,000	83,000	22/06/2022
CVHM2204	VND	5 tháng	4.00000 : 1	2,700	8,000,000	82,000	29/07/2022
CVHM2205	KISVN	5 tháng	16.00000 : 1	1,000	5,000,000	78,888	12/08/2022

CVIC2106	KISVN	7 tháng	20.00000 : 1	1,000	5,000,000	98,888	25/04/2022
CVIC2108	KISVN	6 tháng	16.00000 : 1	1,200	4,000,000	99,999	02/05/2022
CVIC2109	VCI	6 tháng	5.00000 : 1	2,500	3,000,000	102,000	20/05/2022
CVIC2201	KISVN	9 tháng	16.00000 : 1	1,500	3,000,000	103,979	19/09/2022
CVIC2202	KISVN	5 tháng	16.00000 : 1	1,100	3,000,000	82,222	12/08/2022

Nguồn: FiinPro, YSVN

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh
Giám đốc Nghiên cứu Phân tích
+84 28 3622 6868 ext 3826
minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền
Trưởng phòng NC-PT
+84 28 3622 6868 ext 3908
hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh
Phó Phòng NC-PT
+84 28 3622 6868 ext 3833
khanh.quach@yuanta.com.vn

Khổng Hữu Hiệp
Chuyên viên phân tích cao cấp
+84 28 3622 6868 ext 3912
hiep.khong@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng
Chuyên viên phân tích cao c
+84 28 3622 6868 ext 3832
hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát
Chuyên viên phân tích cao cấp
+84 28 3622 6868 ext 3880
phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Phạm Đắc Thành
Giám đốc Khu vực Miền Bắc
+84 28 3622 6868 ext 3416
thanh.pham@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy
Giám đốc chi nhánh Bình Dương
+84 28 3622 6868 ext 3505
thuy.vo@yuanta.com.vn

Lương Kỷ Tỵ
Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn
+84 28 3622 6868 ext 3653
ty.luong@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong
Giám đốc chi nhánh Đồng Nai
+84 28 3622 6868 ext 3701
phong.bui@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn
Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng
+84 28 3622 6868 ext 3301
tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang
Giám đốc chi nhánh Hà Nội
+84 28 3622 6868 ext 3404
quang.nguyen@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc
Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu
+84 28 3622 6868 ext 3203
cuc.dinh@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12-month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2020 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or and any form or manner, without the express written consent of Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited.